

Số: 1533 /QĐ-UBND

Đại Từ, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội xã Đại Từ năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI TỪ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 07-NQ/ĐU ngày 23/12/2025 của Đảng ủy xã Đại Từ Về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Đại Từ về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2026;

Xét đề nghị của phòng Kinh tế xã Đại Từ tại Tờ trình số 384/TTr-KT ngày 31/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội xã Đại Từ năm 2026.

Căn cứ nội dung của Quyết định này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc xã và các đơn vị có liên quan theo nhiệm vụ được giao khẩn trương cụ thể hóa, triển khai giao kế hoạch chi tiết theo nhiệm vụ được phân cấp để có cơ sở thực hiện nhiệm vụ ngay từ đầu năm 2026.

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan ban, ngành, đoàn thể thuộc xã xây dựng kế hoạch, phương án hoạt động cụ thể nhằm thực hiện hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND&UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Trưởng phòng Văn hoá và thể thao các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tài chính Thái Nguyên;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Các đại biểu HĐND xã khoá I;
- Các cơ quan khối Đoàn thể xã;
- Các phòng, ban, ngành của xã;
- VP Đảng ủy, VP HĐND&UBND xã;
- Bí thư, trưởng các xóm trên địa bàn;
- Công thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT-TH.

Chữ ký

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quang Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI TỪ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Phát triển kinh tế - xã hội xã Đại Từ năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Đại Từ)

**I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026**

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng bộ xã Đại Từ lần thứ nhất và các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp đột phá trong phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2026-2030; Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng bộ xã lần thứ nhất và các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp đột phá trong phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2026-2030. Huy động các nguồn lực để xây dựng và nâng cao tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu. Tập trung lập quy hoạch chung xã Đại Từ đến năm 2045. Tiếp tục thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững, nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế gia đình. Tăng cường chuyển đổi số, bảo đảm vững chắc quốc phòng an ninh, ổn định chính trị xã hội an toàn an ninh cho nhân dân.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

2.1 Về kinh tế

- (1) Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2026 đạt trên 60 triệu đồng/người/năm
- (2) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (không bao gồm thu tiền sử dụng đất) tăng bình quân 10%/năm.
- (3) Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt: 10.100 tấn.
- (4) Tổng sản lượng chè búp tươi đạt 11.600 tấn
- (5) Tổng sản lượng thịt gia súc, gia cầm chủ yếu xuất chuồng: 2.760 tấn

2.2 Về văn hoá xã hội

- (6) Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực nông thôn < 2,3%
- (7) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%
- (8) Số người mới sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại trong năm: 1.730 người
- (9) Tỷ lệ nam, nữ thành niên được khám sức khỏe trước khi kết hôn: 52%
- (10) Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) đủ 4 bệnh (Down, Edward, Patau, Thalassemia): 45 %

(11) Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) đã 5 bệnh (suy giáp bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản thượng thận bẩm sinh, khiếm thính bẩm sinh, tim bẩm sinh): 60 %

(12) Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm: 82%

(13) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 100%

(14) Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều 0,49%

(15) Tỷ lệ hộ gia đình được dùng nước sạch đạt chuẩn theo quy định tại nông thôn đạt 77%

(16) Hằng năm có trên 90% gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa; trên 90% số xóm đạt khu dân cư văn hóa; trên 95% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

(17) 100% tổng số hồ sơ công việc của cả xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước); 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trên môi trường mạng; hạ tầng mạng truy cập băng rộng cố định được đầu tư, nâng cấp đảm bảo 95% người sử dụng có khả năng truy nhập tốc độ trên 1Gb/s; mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 75% dân số, hướng tới phát triển mạng di động tiên tiến thế hệ tiếp theo.

2.3. Về môi trường

(18) Diện tích trồng rừng mới tập trung 50 ha

(19) Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%.

(20) Tỷ lệ phương tiện giao thông công cộng (xe buýt, taxi) sử dụng năng lượng xanh đạt từ 20% trở lên.

2.4. Về quốc phòng

(21) Hằng năm, phân đầu xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ đạt từ 2,42% trở lên so với dân số của xã. Thực hiện giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho 20,75% các đối tượng theo quy định.

(Chi tiết tại phụ biểu kèm theo)

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRÊN CÁC LĨNH VỰC

1. Về phát triển kinh tế:

1.1. Về sản xuất nông, lâm nghiệp

Tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất nông nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi. Chủ động phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, tuyên truyền người chăn nuôi duy trì số lượng, chất lượng đàn gia súc, gia cầm, khai thác có hiệu quả mặt nước nuôi trồng thủy sản.

Phát triển sản xuất ngành nông nghiệp, an toàn, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa đa dạng, năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh theo Nghị

quyết 10/NQ-TU của BCH Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về phát triển nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2019-2025 định hướng đến năm 2030. Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện “Đề án phát triển cây chủ lực nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030” trên địa bàn xã Đại Từ năm 2026.

Tiếp tục xác định cây chè là cây trồng mũi nhọn trong phát triển nông nghiệp của xã, xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện “Nghị quyết số 11-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về phát triển ngành chè Thái Nguyên giai đoạn 2025 – 2030” xã Đại Từ năm 2026. Thường xuyên hướng dẫn nhân dân chăm sóc diện tích chè kinh doanh và kỹ thuật sản xuất chè an toàn theo quy trình VietGAP. Phân đầu sản lượng chè búp tươi đạt 11.600 tấn.

Tăng cường công tác ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đẩy mạnh chuyển giao khoa học công nghệ vào khâu sản xuất, chế biến các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, nhất là sản phẩm trà chất lượng cao, lúa đặc sản, sản phẩm chăn nuôi. Quan tâm hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển thị trường cho các sản phẩm OCOP; mở rộng ứng dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực, thế mạnh của xã.

Thực hiện chương trình trồng rừng sản xuất đảm bảo tiến độ và hoàn thành kế hoạch giao; tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, kiểm tra các hoạt động khai thác, chế biến, vận chuyển lâm sản trên địa bàn. Chỉ đạo thực hiện công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2026. Thực hiện tốt việc quản lý và khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn.

1.2. Về chương trình xây dựng nông thôn mới:

Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới nâng cao xã Đại Từ giai đoạn 2026-2030. Thực hiện rà soát, huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực xây dựng và nâng cao các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

Tiếp tục duy trì, giữ vững các tiêu chí nông thôn mới nâng cao đã đạt. Chỉ đạo các xóm thực hiện tốt kế hoạch phát động đợt thi đua cao điểm “xã Đại Từ quyết tâm, chung sức xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu”. Triển khai thực hiện tốt các mô hình phát triển kinh tế, hợp tác xã tại địa phương. Tiếp tục triển khai thực hiện phong trào mở rộng đường giao thông nông thôn 6m trở lên

1.3. Về tài nguyên, môi trường, Giải phóng mặt bằng

Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện “Đề án quản lý đất đai giai đoạn 2026-2030” trên địa bàn xã năm 2026; Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện “Đề án Tăng cường quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên đất, nước và khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững giai đoạn 2026 – 2030” trên địa bàn xã năm 2026. Tiếp tục thực hiện tốt công tác cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho nhân dân đảm bảo thời gian quy định. Rà soát các nhu cầu phát

sinh để bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2026. Tăng cường công tác quản lý tài nguyên khoáng sản, quản lý môi trường trên địa bàn. Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra công tác bảo vệ môi trường. Đảm bảo công tác vệ sinh môi trường, thu gom, xử lý rác trên địa bàn huyện. Tập trung rà soát các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường, đôn đốc các cơ sở thực hiện lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường theo quy định. Rà soát, kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm về đất đai, môi trường, khoáng sản; những tồn tại trước cần xử lý.

Tiếp tục tập trung thực hiện công tác giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn xã: Dự án Khu dân cư số 1 Bình Thuận, Dự án tái định cư Bình Thuận, Dự án Đường An Long...

1.4. Về quy hoạch, đầu tư, xây dựng cơ bản:

Thực hiện công tác điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2025 - 2030 xã Đại Từ. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện lập quy hoạch chung xã Đại Từ đến năm 2045 làm cơ sở thu hút đầu tư và quản lý sử dụng đất. Tiếp tục xây dựng và thực hiện Kế hoạch chỉnh trang đô thị, nông thôn; chỉ đạo chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm quản lý các khu vực quy hoạch chi tiết xây dựng; quản lý xây dựng tại các dự án khu dân cư.

Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện “Đề án Phát triển toàn diện khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030” trên địa bàn xã Đại Từ năm 2026. Tiếp tục thực hiện kế hoạch mở rộng, nâng cấp cải tạo các tuyến đường trục xóm, ngõ xóm, liên xóm rộng 6m trở lên. Tiếp tục triển khai thi công công trình đường giao thông nông thôn năm 2026. Đôn đốc và đẩy nhanh tiến độ công các công trình đầu tư công năm 2025 chuyển sang và đầu tư công năm 2026, phấn đấu thực hiện giải ngân 100% nguồn vốn giao.

1.5. Về Thương mại, dịch vụ, du lịch; Công nghiệp – TTCN

Phối hợp với Quản lý thị trường thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát, phòng, chống và xử lý nghiêm các hành vi gian lận thương mại, giữ ổn định thị trường. Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện “Nghị quyết số 70-NQ/TW về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” trên địa bàn xã năm 2026; “Đề án Phát triển công nghiệp tỉnh Thái Nguyên theo hướng xanh, hiện đại giai đoạn 2026 – 2030” trên địa bàn xã năm 2026; “Đề án Phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 – 2030” xã Đại Từ năm 2026; “Đề án Phát triển thương mại, dịch vụ tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 – 2030” trên địa bàn xã năm 2026. Rà soát, đề nghị UBND tỉnh bổ sung phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn xã Đại Từ vào Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 để có cơ sở thu hút đầu tư 01 cụm công nghiệp quy mô nhỏ.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng. Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện “Đề án Phát triển kinh tế tư nhân tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 – 2030” xã Đại Từ năm 2026.

Tổ chức đối thoại, thực hiện các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư.

1.6. Về tài chính - tín dụng:

Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp thu ngân sách nhà nước. Thực hiện tốt công tác thu, chi ngân sách, thu triệt để các loại phí, lệ phí. Tăng cường khai thác, tận dụng các nguồn thu phân đầu thu cân đối ngân sách năm 2026 tăng 10% so với năm 2025.

Điều hành chi ngân sách đảm bảo theo đúng Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã giao. Cân đối các nguồn vốn để thực hiện các chương trình, đề án, Kế hoạch thực hiện đề án đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm. Sử dụng nguồn vốn ngân sách có hiệu quả đúng quy định, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.

1.7. Về thủy lợi và PCTT

Tăng cường quản lý, bảo dưỡng và tu sửa hệ thống thủy lợi, bảo đảm vận hành an toàn, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu tưới tiêu và sinh hoạt của nhân dân. Tiếp tục đầu tư, nạo vét, kiên cố hóa kênh mương, trạm bơm, hồ đập; khuyến khích ứng dụng mô hình tưới tiết kiệm, công nghệ thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu. Chủ động thực hiện phương châm “4 tại chỗ” trong phòng, chống thiên tai; kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT – TKCN, xây dựng phương án ứng phó cụ thể theo từng khu vực. Đẩy mạnh tuyên truyền, tập huấn kỹ năng phòng tránh thiên tai, thông tin kịp thời diễn biến thời tiết, lũ lụt, sạt lở. Huy động, lồng ghép hiệu quả các nguồn lực đầu tư phục vụ thủy lợi và PCTT, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững, an toàn, thân thiện môi trường.

2. Về Văn hoá-Xã hội

2.1. Về giáo dục:

Triển khai thực hiện có hiệu quả chủ trương, nghị quyết của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện “Đề án phát triển Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030” trên địa bàn xã năm 2026. Xây dựng môi trường giáo dục nền nếp, kỷ cương, an toàn, lành mạnh.

Nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học, chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh; gắn kết giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội. Đẩy mạnh thực hiện công tác chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an ninh, an toàn trường học.

Duy trì nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2; huy động số trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100%; trẻ 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 100%; học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 đạt 100%.

Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục. Thực hiện cuộc vận động và phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Tuyên truyền sâu rộng đến nhân dân về quyết định số 281/TTg của Thủ tướng chính phủ về đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị năm 2026.

2.2. Về y tế - dân số - KHHGD:

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về y tế theo phân cấp, thẩm quyền; tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động mạng lưới y tế trên địa bàn, phát huy vai trò, chức năng nhiệm vụ của các trạm y tế xã; xây dựng xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế theo tiêu chuẩn hiện hành; Thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc nâng cao sức khỏe cho nhân dân, tổ chức triển khai các chương trình phòng chống dịch bệnh, chương trình uống vitamin, tiêm chủng theo hướng dẫn của Bộ y tế.

2.3. Về văn hóa - Thông tin - Thể thao:

Duy trì tốt các công tác quản lý về hoạt động dịch vụ văn hóa, thường xuyên kiểm tra các tụ điểm hoạt động về văn hóa. Tiếp tục triển khai phong trào “TD ĐKXD ĐSVH” bình xét hộ gia đình văn hóa, xóm văn hóa, cơ quan văn hóa năm 2026. Xây dựng và triển khai Kế hoạch hực hiện “Đề án: Phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030” trên địa bàn xã năm 2026. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng. Bảo tồn, duy trì lễ hội chùa Sơn Dược; Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hoá. Tăng cường thông tin, quảng bá tiềm năng, thế mạnh của xã nhằm thu hút đầu tư; đấu tranh mạnh với các loại hình văn hóa độc hại. Thực hiện tốt công tác gia đình, xây dựng thiết chế văn hóa.

2.4. Về chính sách xã hội, giải quyết việc làm và giảm nghèo:

Thực hiện tốt các chính sách xã hội, chính sách đối với người có công; các phong trào đền ơn đáp nghĩa, tổ chức thăm hỏi động viên tặng quà cho các đối tượng chính sách, người có công. Chi trả tiền trợ cấp cho các đối tượng chính sách theo quy định.

2.5. Về dân tộc tôn giáo:

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách về công tác dân tộc trên địa bàn. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, đảm bảo các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động tôn giáo đúng quy định của pháp luật. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn II từ năm 2026 đến năm 2030. Tiếp tục phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo; kịp thời nắm bắt, định hướng dư luận tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo.

3. Lĩnh vực Nội chính

3.1. Về nội vụ, thi đua khen thưởng và cải cách hành chính:

Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện “Đề án phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 – 2030” xã Đại Từ năm 2026.

Tăng cường công tác quản lý cán bộ công chức, đẩy mạnh cải cách hành chính công vụ; nâng cao chất lượng hiệu quả thực hiện các phần mềm, ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành, công tác văn thư lưu trữ trên địa bàn xã đặc biệt là vận hành tốt Trung tâm Phục vụ hành chính công. Tập trung rà soát, bổ sung các quy trình thủ tục hành chính trên các lĩnh vực đảm bảo tính hiệu quả, đúng quy định của pháp luật. Tổ chức đánh giá cán bộ công chức theo kế hoạch hàng năm. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026. Phát động các phong trào thi đua chuyên đề gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, chuyển đổi số và cải cách hành chính. Khen thưởng, biểu dương kịp thời các tập thể, cá nhân tiêu biểu, tạo khí thế thi đua sôi nổi trong toàn xã

3.2. Về tiếp công dân, giải quyết đơn thư:

Duy trì công tác tiếp công dân, tiếp nhận, phân loại và giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền. Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền và phổ biến giáo dục pháp luật nhằm giáo dục, ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật. Duy trì việc tiếp công dân định kỳ và thường xuyên đối thoại với nhân dân, nhất là người đứng đầu để kịp thời giải quyết những khó

khẩn vướng mắc trong quá trình triển khai các nhiệm vụ kinh tế - chính trị của địa phương.

3.3. Về Tư pháp - Hộ tịch:

Tiếp tục duy trì phổ biến các chính sách pháp luật nhằm nâng cao ý thức chấp hành của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã. Duy trì công tác tiếp dân, công tác chứng thực. Quản lý hộ tịch đảm bảo đúng quy định pháp luật.

4. Về quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội:

Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện “ Đề án xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 – 2030” xã Đại Từ năm 2026 và “ Đề án tăng cường hiệu quả công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 – 2030” xã Đại Từ năm 2026.

Thực hiện tốt các nhiệm vụ về quốc phòng, quân sự địa phương, đảm bảo chỉ tiêu nhập ngũ năm 2026. Thực hiện tốt công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; duy trì thực hiện tốt phòng trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; tăng cường tuần tra, đảm bảo giữ vững sự ổn định về tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã.

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2026 xã Đại Từ)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2026	Cơ quan chủ trì, theo dõi, đánh giá
1	Thu ngân sách địa phương			
-	Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước (không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết, thuế tối thiểu toàn cầu)	%	10	Phòng Kinh tế
2	Chỉ tiêu về Nông nghiệp			
	Sản lượng lương thực có hạt	(Tấn)	10.100	Phòng Kinh tế
	Sản lượng chè búp tươi	(Tấn)	11.600	
	Sản lượng thịt gia súc, gia cầm chủ yếu xuất chuồng	(Tấn)	2.760	
3	Chỉ tiêu về lao động, việc làm			
+	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực nông thôn	%	< 2,3	Phòng Văn hoá-XH
4	Chỉ tiêu y tế			
-	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	100	Phòng Văn hoá - Xã Hội
-	Số người mới sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại trong năm	Người	1.730	Trạm y tế xã
-	Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn (%)	%	52	
-	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) đủ 4 bệnh (Down, Edward, Patau, Thalassemia) (%)	%	45	
-	Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) đã 5 bệnh (suy giáp bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản thượng thận bẩm sinh, khiếm thính bẩm sinh, tim bẩm sinh)	%	60	
-	Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm	%	82	
5	Giáo dục đào tạo			
-	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	100	Phòng Văn hoá – XH chủ trì các trường học trên địa bàn xã phối hợp
6	Chỉ tiêu giảm nghèo			
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	0,493	
7	Tỷ lệ hộ gia đình được dùng nước sạch đạt chuẩn theo quy định			
-	Tại nông thôn	%	77	Phòng Kinh tế
8	Chỉ tiêu văn hóa			
-	Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa	%	≥ 90	Phòng Văn hoá - XH
-	Tỷ lệ thôn, tổ dân phố văn hóa	%	≥ 90	
-	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%	≥ 95	

9	Chỉ tiêu chuyển đổi số			
-	Tổng số hồ sơ công việc tại xã; được xử lý trực tuyến (trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	%	100	Phòng Văn hoá – XH; Trung tâm phục vụ hành chính công, Văn phòng HĐND&UBND
-	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến	%	100	
-	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s	%	95	
-	Tỷ lệ dân số phủ sóng 5G	%	75	
10	Chỉ tiêu về môi trường			
	Diện tích trồng rừng mới tập trung	Ha	50	Phòng Kinh tế
-	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	100	Trạm y tế xã
-	Tỷ lệ phương tiện giao thông công cộng (xe buýt, tắc xi) sử dụng năng lượng xanh	%	20	Phòng Kinh tế
11	Chỉ tiêu về quốc phòng - an ninh			
-	Tỷ lệ lực lượng dân quân, tự vệ so với dân số của xã	%	2,42	Ban Chỉ huy quân sự xã
-	Thực hiện giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo quy định	%	20,75	